

**CÔNG TY TNHH TM DỊCH VỤ THÁI BÌNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DỊCH VỤ THÁI BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THAI BINH TM SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THAI BINH TM SERVICE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109983830

**3. Ngày thành lập:** 29/04/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 38 phố Trương Nhị, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0963207770

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>( trừ hoạt động đấu giá)<br>Đại lý độc quyền<br>-Môi giới thương mại                                                                                | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, ngũ cốc, bột, tinh bột; Đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ Bán buôn thịt gia súc, gà cầm tươi, đông lạnh, sơ chế. | 4632     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                                                                                                                             | 4649     |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                           | 8292     |
| 6.  | Quảng cáo<br>( Trừ hoạt động quảng cáo thuốc lá và các hoạt động quảng cáo do Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                | 7310     |
| 7.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811     |
| 8.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                   | 1812     |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                             | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa (trừ kinh doanh bến thủy nội địa)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5022        |
| 11. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210        |
| 12. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>Chi tiết: Dịch vụ logistic. Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229        |
| 14. | Bưu chính<br>Chi tiết:<br>Đại lý dịch vụ bưu chính - viễn thông (trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ truy nhập internet ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5310(Chính) |
| 15. | Chuyển phát<br>Chi tiết:<br>- Nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước hoặc quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung. Hoạt động này có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức vận tải, có thể sử dụng phương tiện vận tải của doanh nghiệp hoặc các phương tiện vận tải công cộng;<br>- Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện.<br>- Dịch vụ giao hàng tận nhà. | 5320        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI THỊ QUYÊN        | Việt Nam  | Số 7A/19/5 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam        | 1.000.000.000         | 50,000    | 034183005530                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN ANH THU TRANG | Việt Nam  | Khu 4, Xã Hương Nộn, Huyện Tam Nông, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                       | 450.000.000           | 22,500    | 132274898                                                                                               |         |
| 3   | BÙI ĐỨC VIỆT         | Việt Nam  | Số 38 phố Trưng Nhị, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 450.000.000           | 22,500    | 034088012241                                                                                            |         |

|   |                     |             |                                                                                               |             |       |              |  |
|---|---------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|--------------|--|
| 4 | NGUYỄN<br>BÍCH NGỌC | Việt<br>Nam | Số 38 phố Trung Nhị,<br>Phường Nguyễn Trãi,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 100.000.000 | 5,000 | 001187039323 |  |
|---|---------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034183005530

Ngày cấp: 10/08/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 7A/19/5 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7A/19/5 Thành Thái, Phường 07, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội